| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ DĨ AN**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày 10 - 01 -2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Ngân

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Bà Hoàng Lệ Chi.

Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 450/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Từ Kim O, sinh năm 1991; thường trú: thôn 2, xã Q, huyện Q1, tỉnh Q2; tạm trú: số 50, đường An Bình, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Từ Thanh N, sinh năm 1992; thường trú: thôn 2, xã Q, huyện Q1, tỉnh Q2; tạm trú: số 50, đường An Bình, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 11 năm 2023 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Từ Kim O trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Từ Kim O và anh Từ Thanh N tự nguyện yêu nhau và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26/2016, do Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q1, tỉnh Q2 cấp ngày 12/7/2016.

Sau khi kết hôn vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không hạnh phúc và ngày càng trở nên căng thẳng. Vợ chồng đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn ngày càng sâu sắc hơn. Nay chị O xác định vợ chồng không thể tiếp tục cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Từ Nam G, sinh ngày 19/5/2020. Con chung đang sống chung với anh chị. Sau khi ly hôn chị O giao con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị O không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Tại Bản tự khai ngày 14-12-2023, bị đơn anh Từ Thanh N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất trình bày của chị O về quá trình tìm hiểu nhau, đăng ký kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng. Vợ chồng anh đã tự hoà giải để giải quyết mâu thuẫn nhưng không được nên thống nhất ly hôn. Do đó, chị O yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Thống nhất anh và chị O có 01 con chung là cháu Từ Nam G, sinh ngày 19/5/2020. Con chung đang ở với anh chị. Sau khi ly hôn anh sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị O phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Từ Kim O và anh Từ Thanh N là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26/2016, do Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q1, tỉnh Q2 cấp ngày 12/7/2016 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Chị O và anh N đều xác định trong thời kỳ hôn nhân anh chị có phát sinh mâu thuẫn và không thể hòa giải được, cuộc sống chung không hạnh phúc. Nay chị O yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh N đồng ý. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị O là có căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị O và anh N có 01 con chung là Từ Nam G, sinh ngày 19/5/2020, con đang ở với anh chị. Quá trình tố tụng chị O và anh N thống nhất giao con cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo cuộc sống ổn định của con để con chung phát triển toàn diện. Về cấp dưỡng nuôi con: anh N tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Từ Kim O phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 70, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Từ Kim O đối với bị đơn anh Từ Thanh N về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Từ Kim O được ly hôn với anh Từ Thanh N (Giấy chứng nhận kết hôn số số 26/2016, do Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q1, tỉnh Q2 cấp ngày 12/7/2016).

- Về con chung: Chị Từ Kim O giao con chung là Từ Nam G, sinh ngày 19/5/2020 cho anh Từ Thanh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Từ Thanh N về việc không yêu cầu chị Từ Kim O thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn, chị Từ Kim O và anh Từ Thanh N đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp chị O lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì anh N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị O theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Từ Kim O phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị O đã nộp theo biên lai số 0001302 ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND xã Quảng Kim, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngân**